

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG
HẢI PHÒNG
(VIETRANS HAI PHONG)



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN
NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
THÁNG 09 – 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG
HẢI PHÒNG
(VIETRANS HAI PHONG)

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN
NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
THÁNG 09 – 2024



MỤC LỤC

CHƯƠNG I - PHẦN MỞ ĐẦU 3

CHƯƠNG II - ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 3

 Điều 1. Giải thích từ ngữ 3

CHƯƠNG III - TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 4

 Điều 2. Tên, địa chỉ và Thời hạn hoạt động của Công ty 4

 Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 5

CHƯƠNG IV- LĨNH VỰC, PHẠM VI KINH DOANH VÀ MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY 5

 Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 5

 Điều 5. Lĩnh vực, Phạm vi kinh doanh 5

CHƯƠNG V - VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 8

 Điều 6. Vốn Điều lệ, Cổ phần, Cổ đông Sáng lập 8

 Điều 7. Cổ phiếu 9

 Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần 9

CHƯƠNG VI: - CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 10

 Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản trị và kiểm soát 10

CHƯƠNG VII: - CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 10

 Điều 10. Quyền của Cổ đông Công ty 10

 Điều 11. Nghĩa vụ của Cổ đông 11

 Điều 12. Điều 12: Đại hội đồng cổ đông 12

 Điều 13. Điều 13: Quyền hạn và Nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 13

 Điều 14. Đại diện theo ủy quyền 14

 Điều 15. Triệu tập họp, Chương trình họp, và Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông .. 15

 Điều 16. Điều kiện tiến hành Đại hội Cổ đông và lập biên bản đại hội cổ đông 16

 Điều 17. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 16

 Điều 18. Thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 17

 Điều 19. Thẩm quyền và thẻ thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 17

 Điều 20. Biên bản họp Đại hội cổ đông 18

CHƯƠNG VIII - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 18

 Điều 21. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 18

 Điều 22. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 19

 Điều 23. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị ... 19

 Điều 24. Quyền hạn và Nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 20

 Điều 25. Chủ tịch Hội đồng Quản trị 22

Điều 26. HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
CHƯƠNG IX - GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	24
Điều 27. Tổ chức bộ máy quản lý	24
Điều 28. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Giám đốc	25
Điều 29. Thư ký Công ty	26
CHƯƠNG X - BAN KIỂM SOÁT	26
Điều 30. Ban Kiểm soát.....	26
Điều 31. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.....	27
Điều 32. Những vấn đề khác liên quan đến Ban Kiểm soát.....	28
CHƯƠNG XI – TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC	28
Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng	28
Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi	29
Điều 35. Trách nhiệm và bồi thường.....	29
CHƯƠNG XII - QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	29
Điều 36. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ Công ty.....	29
CHƯƠNG XIII - TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN, TỔ CHỨC XÃ HỘI KHÁC VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG	30
Điều 37. Tổ chức đảng, Công đoàn và các tổ chức xã hội khác	30
CHƯƠNG XIV - TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	30
Điều 38. Tài khoản ngân hàng.....	30
Điều 39. Năm tài chính.....	30
Điều 40. Hệ thống Kế toán	30
CHƯƠNG XV - PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	31
Điều 41. Phân phối lợi nhuận	31
CHƯƠNG XVI - CON DẤU	32
Điều 42. Con dấu	32
CHƯƠNG XVII - CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	32
Điều 43. Chấm dứt hoạt động.....	32
Điều 44. Thanh lý công ty	32
CHƯƠNG XVIII - GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	33
Điều 45. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	33
CHƯƠNG XIX - SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	33
Điều 46. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ	33
CHƯƠNG XX - NGÀY HIỆU LỰC	33
Điều 47. Ngày hiệu lực.....	33

CHƯƠNG I - PHẦN MỞ ĐẦU

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Hải Phòng được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19/04/2021.

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Hải Phòng (dưới đây gọi là "Công ty"). Công ty được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Quyết định số 2028/QĐ-BTM ngày 23/11/2006 của Bộ Thương Mại về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá Chi nhánh Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương tại Hải Phòng trực thuộc Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương thành Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Hải Phòng.

Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quyết định, nghị quyết của Hội đồng Quản trị khi đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này là Điều lệ bổ sung, sửa đổi được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại Thành phố Hải Phòng.

CHƯƠNG II - ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
 - b. "Công ty" có nghĩa là Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Hải Phòng.
 - c. "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
 - d. "Vốn điều lệ" có nghĩa là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.
 - e. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
 - f. "Đại hội đồng cổ đông" - viết tắt là ĐHĐCĐ, có nghĩa là toàn bộ các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty.
 - g. "Hội đồng Quản trị" - viết tắt là HĐQT, có nghĩa là Hội đồng Quản trị của Công ty.
 - h. 'Ban Kiểm soát', viết tắt là 'BKS' có nghĩa là Ban Kiểm soát của Công ty.
 - i. "Người điều hành doanh nghiệp" có nghĩa là Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty.
 - j. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức bất kỳ như quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.
 - k. "Địa bàn kinh doanh", có nghĩa là nơi Công ty triển khai hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác (nơi đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) trên lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
 - l. "Thời hạn hoạt động" có nghĩa là thời hạn hoạt động của Công ty như quy định tại khoản 7 Điều 2 của Điều lệ này.

- m. "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.
 - Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.
 - Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này, nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

CHƯƠNG III - TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, địa chỉ và Thời hạn hoạt động của Công ty

- Tên đăng ký hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Tên đăng ký hợp pháp của Công ty bằng tiếng Anh:

HAI PHONG FOREIGN TRADE FORWARDING AND WAREHOUSING JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: **VIETRANS HAI PHONG**

- Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.
- Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ : Số 5A Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại : 0225.3842.007

Fax : 0225.3842.277

Email : vietranshaiphong@hn.vnn.vn

Website : vietranshaiphong.com.vn

Logo Công ty :



- Công ty có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- Công ty có Điều lệ tổ chức và hoạt động.
- Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty trong phạm vi pháp luật cho phép.
- Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ khi thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Giám đốc Công ty.
2. Người đại diện Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều 12 của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG IV- LĨNH VỰC, PHẠM VI KINH DOANH VÀ MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY**Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm tối đa hoá lợi nhuận cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, duy trì và phát triển Công ty.

Điều 5. Lĩnh vực, Phạm vi kinh doanh

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan) - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa tại kho, bãi thông thường	5210 (Chính)
2.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn Chi tiết: - Dịch vụ sửa chữa container	3311
3.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết : Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị cân Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị nâng hạ	3312
4.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác): Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải thủy	3315
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512

7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Sửa chữa và bảo dưỡng xe tải, xe container, xe nâng, xe công trình	4520
9.	Bán mô tô, xe máy	4541
10.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
11.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý ký gửi hàng hoá (không bao gồm đại lý chứng khoán, bảo hiểm)	4610
12.	Bán buôn gạo	4631
13.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	4632
14.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn rượu, bia, nước giải khát, nước tinh khiết	4633
15.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
16.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ	4649
17.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
18.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn thiết bị thủy lực, máy nén khí, máy cơ khí, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị bảo hộ lao động; Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy tàu thủy, tời neo, xích cầu, thiết	4659

	<p>bị cứu sinh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng tàu thủy, thiết bị hàng hải</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế 	
21.	<p>Bán buôn kim loại và quặng kim loại</p> <p>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép</p>	4662
22.	<p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Bán buôn container</p>	4669
23.	<p>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (bao gồm vận tải hàng hoá bằng container)</p>	4933
24.	<p>Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương</p>	5012
25.	<p>Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa</p>	5022
26.	<p>Kho bãi và lưu giữ hàng hóa</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan) - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa tại kho, bãi thông thường 	5210
27.	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ</p> <p>Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hoá, hành khách đường bộ</p>	5221
28.	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy</p> <p>Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hoá, hành khách đường thủy</p> <p>Dịch vụ lai dắt tàu sông, tàu biển</p>	5222
29.	<p>Bốc xếp hàng hóa</p>	5224
30.	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải</p> <p>Chi tiết:</p>	5229

	- Dịch vụ đại lý tàu biển (bao gồm dịch vụ cung ứng tàu biển) - Dịch vụ đại lý vận tải đường biển - Dịch vụ giao nhận hàng hoá, khai thuê hải quan, cân hàng; Dịch vụ nâng cầu hàng hoá; Dịch vụ kiểm đếm hàng hoá; Dịch vụ logistics; Dịch vụ môi giới thuê tàu biển (không bao gồm thủy thủ đoàn); Dịch vụ bao gói hàng hoá vận chuyển	
31.	Chuyển phát (trừ dịch vụ chuyển tiền và ngoại tệ)	5320
32.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
33.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ quầy bar)	5610
34.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
35.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Mua, bán, cho thuê bất động sản, nhà, căn hộ, văn phòng, kho bãi, đất, nhà xưởng, khu triển lãm	6810
36.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô	7710
37.	Đại lý du lịch	7911
38.	Điều hành tua du lịch	7912
39.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

2. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Công ty được thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp và đúng quy định pháp luật nhằm đạt được các mục tiêu của Công ty.

CHƯƠNG V - VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn Điều lệ, Cổ phần, Cổ đông Sáng lập

1. Cổ phần:

a. Cổ phần của Công ty là cổ phần đã bán: Là cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đủ cho Công ty. Khi đăng ký doanh nghiệp, cổ phần đã bán là tổng

số cổ phần các loại được đăng ký mua.

b. Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng quy định tại Điều 8 của Điều lệ này.

2. Vốn điều lệ của Công ty là 42.000.000.000 đồng (Bốn mươi hai tỷ đồng Việt Nam); tổng số Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 4.200.000 cổ phần, với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam.

3. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập.

4. Công ty chỉ có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị mở rộng quy mô hoạt động và đổi mới kỹ thuật công nghệ của Công ty.

- Đầu tư phát triển kỹ thuật công nghệ.

- Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh.

- Đầu tư động sản và bất động sản.

- Kinh doanh các ngành nghề theo giấy phép đăng ký kinh doanh đã được Nhà nước cấp.

6. Không được sử dụng vốn Điều lệ chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác nhưng không trái pháp luật.

Điều 7. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

2. Cổ đông của Công ty được cấp cổ phiếu ghi nhận với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

3. Các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ trong Sổ Đăng ký cổ đông. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông được quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của cơ quan lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ phiếu cấp cho cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần hợp pháp của cổ đông với Công ty.

4. Việc cấp mới, thay đổi, cấp lại Cổ phiếu cho cổ đông theo quy định tại Điều 121 và khoản 4 Điều 122 Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Việc chuyển nhượng cổ phần tuân thủ theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 127 Luật Doanh nghiệp.

3. Về thừa kế, tặng cho cổ phần:

a. Trường hợp cổ đông là cá nhân qua đời thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông trở thành cổ đông của công ty.

b. Trường hợp cổ đông là cá nhân qua đời mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

c. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty.

d. Cổ phần của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc cũng được tự do thừa kế; nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phiếu không đương nhiên được thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng của người trao thừa kế.

CHƯƠNG VI: - CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm :

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị.
3. Ban Kiểm soát.
4. Ban Giám đốc và Bộ máy giúp việc.

CHƯƠNG VII: - CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền của Cổ đông Công ty

1. Cổ đông là chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số lượng cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a. Tham dự và phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b. Công ty đăng tải Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên trên website của Công ty. Cổ đông có quyền xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp các văn bản này trên website của Công ty.

c. Nhận cổ tức hàng năm theo mức do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

e. Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty.

f. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại của Công ty tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, các nghĩa vụ khác.

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp.

i. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:

a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền:

a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 21 và 30 của Điều lệ này ;

b. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được quyền đề cử theo định tại Điều 21 và Điều 30 của Điều lệ này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

d. Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 11. Nghĩa vụ của Cổ đông

1. Tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty, chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy chế; các quyết định của Hội đồng Quản trị.

2. Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số cổ phần đã góp vào Công ty.

3. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ

đồng rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Điều này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

4. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động kinh doanh của Công ty.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết và thông qua những vấn đề do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

3. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

b. Khi số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu mà Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định.

c. Theo yêu cầu Cổ đông hoặc nhóm cổ đông như quy định tại khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập Đại hội cổ đông bất thường phải được thể hiện bằng văn bản nêu rõ lý do, mục đích của việc triệu tập và có đầy đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.

d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

e. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập Đại hội cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật

Doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

d. Tất cả chi phí tổ chức Đại hội cổ đông theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 4 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Những chi phí này không bao gồm những chi phí mà cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại của cổ đông.

Điều 13. Quyền hạn và Nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty.
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán.
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- e. Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán.
- f. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- g. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty
- h. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.
- i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.
- j. Phê duyệt quy chế Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát .
- k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.

l. Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.
- b. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán.
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc.
- e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
- f. Mức cổ tức hàng năm trả cho từng loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền kèm theo từng loại cổ phần.
- g. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

- h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát.
 - j. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
 - k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của các thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, tổ chức lại và giải thể Công ty.
 - l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty.
 - m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - n. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
 - o. Việc Công ty ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp.
 - p. Thay đổi quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết và các loại cổ phần ưu đãi khác.
 - q. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
 - r. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát.
3. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và ra nghị quyết để thông qua các vấn đề đã được đưa vào chương trình Đại hội.

Điều 14. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Người được ủy quyền tham dự được biểu quyết, bầu cử tại Đại hội cổ đông, không được quyền ứng cử, đề cử để tham gia vào cơ quan quản lý điều hành Công ty với danh nghĩa cá nhân. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba nếu không được người ủy quyền đồng ý.
2. Việc ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông phải được thực hiện bằng văn bản theo mẫu ủy quyền của Công ty. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thể thoả thuận và ủy quyền bằng văn bản cho cổ đông khác có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi làm đại diện cho nhóm cổ đông đó. Văn bản ủy quyền phải có chữ ký và dấu (nếu có) hợp pháp của tất cả các cổ đông trong nhóm. Việc thay đổi người đại diện của nhóm cổ đông phải được tất cả các cổ đông trong nhóm nhất trí bằng văn bản.
4. Trường hợp cổ đông là pháp nhân được sáp nhập, hợp nhất hoặc kế thừa quyền và nghĩa vụ của cổ đông pháp nhân, thì pháp nhân kế thừa quyền này phải gửi cho Hội đồng Quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để Hội đồng Quản trị quyết định về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần.
5. Phiếu biểu quyết của người đại diện theo ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền sẽ được coi là không hợp lệ khi xảy ra một trong các điều kiện sau:

- a. Người ủy quyền đã chết;
 - b. Có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thể hiện tại thời điểm lập giấy ủy quyền người ủy quyền đang trong tình trạng bị hạn chế năng lực hành vi hoặc mất năng lực hành vi dân sự;
 - c. Người ủy quyền huỷ bỏ việc ủy quyền.
6. Các trường hợp tại khoản 5 điều này chỉ có giá trị khi Công ty đã nhận được thông báo bằng văn bản trước khi người đại diện theo ủy quyền tham dự buổi họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Triệu tập họp, Chương trình họp, và Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội cổ đông được triệu tập theo quyết định của Hội đồng Quản trị, trừ các trường hợp được quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều 12 của Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại Đại hội không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chuẩn bị chương trình, nội dung của Đại hội, các tài liệu cho đại hội theo quy định của pháp luật và Công ty.
- b. Xác định thời gian và địa điểm Đại hội.
- c. Thông báo và gửi thông báo mời họp cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp về việc tổ chức Đại hội cổ đông.
- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.
- e. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội cổ đông được gửi cho tất cả cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của cổ đông theo dõi tại Sổ đăng ký cổ đông, đồng thời công bố trên trang website của Công ty. Người triệu tập Đại hội gửi Thông báo về Đại hội cổ đông chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày tổ chức Đại hội tính từ ngày thông báo được gửi đi hợp lệ. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây: Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp và Phiếu biểu quyết.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông như quy định tại khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề để đưa vào chương trình họp của Đại hội cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Hội đồng Quản trị Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần nắm giữ, những nội dung đề xuất đưa vào chương trình Đại hội.

5. Người triệu tập họp Đại hội cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất quy định tại khoản 4 Điều 15 nêu:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này.
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không đảm bảo điều kiện về việc nắm giữ đủ từ năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ này.



- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình Đại hội, trừ trường hợp việc họp Đại hội đồng cổ đông không do Hội đồng quản trị triệu tập.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 16. Điều kiện tiến hành Đại hội Cổ đông và lập biên bản đại hội cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội cổ đông chỉ được tiến hành khi số lượng cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền tham dự đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp Đại hội lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Các biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông tham dự và giấy uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

Điều 17. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức họp Đại hội Cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành liên tục cho đến khi đăng ký hết các cổ đông có quyền và tham gia dự họp.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người đại diện theo uỷ quyền một Thẻ biểu quyết có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, số phiếu biểu quyết của cổ đông. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến sẽ được chủ tọa thông báo trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội sẽ bầu Ban Kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa và nếu Đại hội không bầu thì chủ tọa sẽ chỉ định Ban Kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu.

3. Cổ đông đến muộn vẫn có quyền đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và sau đó có quyền tham gia, biểu quyết tại Đại hội những vấn đề chưa được Đại hội biểu quyết. Cổ đông đến muộn sẽ không được tham gia biểu quyết những vấn đề đã được biểu quyết và hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ làm chủ tọa để chủ trì Đại hội đồng cổ đông. Việc bầu chủ tọa, thư ký, Ban kiểm phiếu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

5. Chủ tọa có quyền phán quyết cao nhất đối với các vấn đề về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa có thể hoãn Đại hội đến thời gian khác và ấn định việc tổ chức Đại hội tại địa điểm khác trong vòng không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu:

- a. Các thành viên tham dự không có đủ chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội.
- b. Có hành vi cản trở hoặc gây rối trật tự tại Đại hội, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- c. Hoãn Đại hội để đảm bảo tiến hành các thủ tục và công việc của Đại hội một cách hợp lệ. Chủ tọa đại hội cũng có thể hoãn Đại hội nếu Đại hội nhất trí vì lý do hợp lý bất kỳ. Đại hội khi được tổ chức lại sẽ không xem xét các vấn đề ngoài các vấn đề đã đưa vào chương trình thảo luận.

7. Chủ tọa được quyền hành động thích hợp để điều hành Đại hội diễn ra hợp lệ, trật tự và phản ánh được ý kiến của đa số đại biểu tham dự.

8. Chủ tọa có quyền áp dụng các biện pháp kiểm tra hoặc an ninh hợp lý đối với các cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền tham dự Đại hội. Chủ tọa có quyền không cho tham dự hoặc trục xuất những cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền không tuân thủ các quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh theo quy định.

Điều 18. Thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1,3,4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của các tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, gồm:

- a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c. Tổ chức lại, giải thể công ty;
- d. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- e. Quyết định Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- f. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.

3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Khi thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Hội đồng Quản trị phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải

trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến;

b. Nội dung phiếu lấy ý kiến theo quy định tại khoản 3 Điều 149 Luật Doanh nghiệp;

c. Thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu biểu quyết;

d. Gửi Biên bản kiểm phiếu và các nghị quyết được thông qua cho tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 20. Biên bản họp Đại hội cổ đông

1. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng Tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản phải phản ánh các nội dung sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Chương trình và nội dung cuộc họp.

d. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

e. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

f. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội cổ đông phải được hoàn thiện, thông qua trước khi tuyên bố bế mạc Đại hội và được gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG VIII - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử một (01) ứng cử viên; nếu từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử hai (02) ứng cử viên; nếu từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử ba (03) ứng cử viên; và nếu trên bảy mươi phần trăm (70%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử bốn (04) ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị là ba (03) người, bao gồm Chủ tịch và các thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Thành viên Hội đồng quản trị được bầu trực tiếp bằng thẻ thức bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn sau:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự;

b. Thành viên Hội đồng Quản trị phải là cổ đông của Công ty hoặc đại diện cho cổ đông pháp nhân sở hữu tối thiểu mười phần trăm (10%) Vốn điều lệ của Công ty.

c. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp, có kinh nghiệm công tác từ năm (05) năm trở lên trong ngành giao nhận kho vận, hiểu biết về pháp luật.

d. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.

e. Không phải là những người thuộc các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 và điểm d khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị (ngoại trừ Chủ tịch HĐQT) có thể kiêm nhiệm chức danh người điều hành của Công ty. Việc thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm các chức danh điều hành của Công ty sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định.

Điều 23. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường

hợp sau đây:

- a. Thành viên Hội đồng Quản trị không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 22 của Điều lệ này.
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị xin từ nhiệm bằng văn bản và được chấp thuận.
 - c. Thành viên Hội đồng Quản trị mất năng lực pháp lý và năng lực hành vi.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này
2. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - b. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) số thành viên thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
4. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để bổ sung thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 24. Quyền hạn và Nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định, nhưng không trái với pháp luật. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ cụ thể sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty.
 - b. Xác định các mục tiêu và kế hoạch hoạt động của Công ty trên cơ sở các mục tiêu và định hướng phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - c. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký

kết hợp đồng, chấm dứt Hợp đồng đối với Giám đốc, phó Giám đốc, Kế toán trưởng/Trưởng Phòng Tài chính Kế toán của Công ty; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.

j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty ; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

l. Quyết định khiếu nại và lựa chọn đại diện của Công ty để tiến hành các thủ tục pháp lý khi khiếu nại cán bộ quản lý của Công ty.

m. Đề xuất và thực hiện phương án phát hành cổ phiếu, trái phiếu, và các quyền kèm theo cổ phiếu hoặc trái phiếu phát hành.

n. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo các hình thức khác;

o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết.

p. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

q. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty.

r. Quyết định cử, thay thế người đại diện phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác.

s. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

t. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quyết định của ĐHCĐ. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty thì các thành viên HĐQT cùng chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng chịu liên đới trách nhiệm cá nhân và đền bù thiệt hại cho Công ty.

u. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông.

v. Định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền khi Công ty phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu như vàng, bạc, đá quý, đồ trang sức, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.

w. Công ty mua lại hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của Công ty theo từng loại trong thời hạn 12 tháng và quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

x. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

3. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về:

a. Hoạt động của Hội đồng Quản trị.

b. Hoạt động giám sát đối với Giám đốc và người điều hành của Công ty trong năm tài chính.

c. Tình hình hoạt động của Công ty.

4. Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho các thành viên Hội đồng Quản trị đại diện cho Công ty thực hiện vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, trừ khi pháp luật có quy định khác.

5. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao và tiền thưởng. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị thoả thuận chia mức thù lao cho từng thành viên, hoặc nếu không thoả thuận thì tổng thù lao sẽ được chia đều cho các thành viên.

6. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

7. Các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác đã chi khi thực hiện trách nhiệm của mình, kể cả chi phí tham dự họp Hội đồng Quản trị, các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội cổ đông theo Quy chế tài chính của Công ty.

8. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 25. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- f. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi Báo cáo tài chính thường niên đã kiểm toán, báo cáo hoạt động của Công ty và dự kiến kế hoạch năm cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 26. Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất kỳ lúc nào nếu cần, và mỗi quý phải triệu tập họp ít nhất một lần. Chủ tịch Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp.

3. Họp Hội đồng Quản trị bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường khi một trong các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích, lý do và vấn đề cần thảo luận: Ban Kiểm soát, Giám đốc, tối thiểu năm (05) cán bộ quản lý hoặc ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị; các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Địa điểm họp: Hội đồng Quản trị sẽ tổ chức họp ở những địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa điểm khác trong lãnh thổ Việt Nam do Chủ tịch quyết định và được Hội đồng Quản trị nhất trí.

6. Thông báo và chương trình họp: Các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Các thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối tham dự họp bằng văn bản. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải bao gồm nội dung chương trình họp, thời gian họp, địa điểm họp, những tài liệu liên quan đến những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp, và phiếu biểu quyết gửi cho các thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty.

7. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp được quy định tại Khoản 9 Điều 17 Luật Doanh nghiệp

8. Biểu quyết

a. Tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp sẽ có một (01) phiếu biểu quyết.

b. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc vấn đề mà thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến hợp đồng, giao dịch như quy định tại khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích trong hợp đồng, giao dịch đó.

d. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng lợi trực tiếp hoặc gián tiếp từ hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc dự kiến ký kết với Công ty sẽ phải công bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó khi Hội đồng Quản trị họp để xem xét ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch đó.

9. Biểu quyết đa số: Hội đồng Quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng biểu quyết đa số. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Nếu số phiếu tán thành và không tán thành ngang nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

10. Biểu quyết vắng mặt: Thành viên Hội đồng Quản trị vắng mặt có thể biểu quyết bằng văn bản. Phiếu biểu quyết bằng văn bản phải được gửi tới Chủ tịch HĐQT hoặc Thư ký HĐQT/Thư ký Công ty chậm nhất một (01) giờ trước thời gian họp dự kiến.

11. Nghị quyết của Hội đồng quản trị : Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký Nghị quyết của Hội đồng quản trị sau khi đã được thông qua.

12. Biên bản họp Hội đồng Quản trị: Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên Hội đồng Quản trị. Biên bản họp Hội đồng Quản trị là văn bản xác thực về những vấn đề đã được bàn bạc và thông qua trong cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và được tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp ký.

13. Mời họp dự thính: Hội đồng Quản trị có thể mời Ban Kiểm soát, một số cán bộ quản lý của Công ty và các chuyên gia của một bên thứ ba tham dự họp Hội đồng Quản trị. Những người được mời họp dự thính không có quyền biểu quyết.

CHƯƠNG IX - GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 27. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng tổ chức bộ máy điều hành của Công ty, ban hành quy chế tổ chức, hoạt động và các quy chế khác nhằm quản trị Công ty và giám sát hoạt động của bộ máy điều hành của Công ty.

2. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một Giám đốc, một số Phó Giám đốc theo nhu cầu quản lý, điều hành và Kế toán trưởng/Trưởng Phòng Tài chính Kế toán Công ty. Giám đốc và các Phó Giám đốc có thể là thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Giám đốc Công ty có trách nhiệm xây dựng và trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn cơ cấu cán bộ quản lý của Công ty. Cán bộ quản lý của Công ty phải có năng lực và luôn luôn mẫn cán trong việc tổ chức sản xuất kinh doanh theo các mục tiêu và kế hoạch mà Hội đồng Quản trị đã đề ra.

4. Mức lương, thù lao, quyền lợi, trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng/Trưởng Phòng Tài chính Kế toán sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định, được quy định trong hợp đồng lao động.

5. Mức lương, thù lao, quyền lợi và trách nhiệm của các cán bộ quản lý khác của Công ty do Giám đốc quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị theo quy chế của

Công ty và được quy định trong hợp đồng lao động ký với từng cán bộ quản lý.

Điều 28. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Trường hợp thuê người khác làm giám đốc thì Chủ tịch Hội đồng quản trị là người thay mặt cho Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với người được thuê làm Giám đốc. Hợp đồng lao động phải quy định rõ mức lương, thù lao, quyền lợi và các điều kiện khác của hợp đồng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được thể hiện ở mục riêng trong báo cáo tài chính và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

4. Giám đốc phải có các tiêu chuẩn sau :

a. Không phải là đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

b. Phải tốt nghiệp Đại học trở lên và có năng lực kinh doanh, tổ chức quản lý doanh nghiệp, có ít nhất năm (05) năm công tác trong ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty, hiểu biết pháp luật.

c. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật và Điều lệ Công ty.

d. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định tại khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

5. Giám đốc có những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b. Quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

c. Kiến nghị về số lượng và cơ cấu phòng ban của Công ty cho phù hợp với yêu cầu của công việc.

d. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định.

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

f. Tuyển dụng người lao động; quyết định mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều kiện khác liên quan đến hợp đồng lao động của người lao động, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc.

g. Lập và trình Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh và tài chính chi tiết cho năm tài chính tiếp theo, trên cơ sở định hướng kế hoạch kinh doanh và tài chính dài hạn của Công ty.

h. Thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị thông qua;

i. Đề xuất trình Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt các quy chế quản lý; kiến nghị phương án chia cổ tức và xử lý lỗ kinh doanh của Công ty;

j. Ban hành các văn bản quy định liên quan đến tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

k. Chuẩn bị các báo cáo tài chính hàng năm, quý của Công ty để phục vụ cho việc giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty. Các báo cáo tài chính, bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính phải trình Hội đồng Quản trị thông qua và bao gồm đầy đủ những thông tin theo quy định của pháp luật và Công ty.

l. Thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.

m. Quyết định, ký kết hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch được quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

6. Báo cáo Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông: Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải báo cáo Hội đồng Quản trị, Đại hội cổ đông khi được yêu cầu.

7. Miễn nhiệm Giám đốc: Nếu đa số thành viên Hội đồng Quản trị biểu quyết tán thành, thì Hội đồng Quản trị sẽ miễn nhiệm Giám đốc và bổ nhiệm Giám đốc khác thay thế.

Điều 29. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) Thư ký Công ty và quyết định nhiệm kỳ, chức năng và nhiệm vụ của Thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Hỗ trợ tổ chức các cuộc họp và ghi chép biên bản các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

3. Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty.

4. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

5. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG X - BAN KIỂM SOÁT

Điều 30. Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín và bao gồm ba (03) thành viên.

2. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ tối đa năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Ban Kiểm soát bầu một trong số các thành viên làm trưởng Ban kiểm soát. Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Tiêu chuẩn của kiểm soát viên như sau:

a. Các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp.

b. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên, có năng lực và kinh nghiệm công tác trong ngành giao nhận kho vận ngoại thương, hiểu biết về pháp luật.

c. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.

5. Ứng cử và đề cử thành viên Ban kiểm soát:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử một (01) ứng cử viên; nếu từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử hai (02) ứng cử viên; nếu từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử ba (03) ứng cử viên; và nếu trên bảy mươi phần trăm (70%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử bốn (04) ứng cử viên.

b. Tất cả các ứng cử viên để bầu vào Ban kiểm soát phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều này.

c. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 31. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông

báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 32. Những vấn đề khác liên quan đến Ban Kiểm soát

1. Trong nhiệm kỳ, nếu số lượng kiểm soát viên giảm so với quy định tại khoản 1 Điều 30 của Điều lệ này thì Đại hội đồng cổ đông phải bầu bổ sung trong Đại hội cổ đông gần nhất. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Thành viên Ban kiểm soát sẽ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

3. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

CHƯƠNG XI – TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 33. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác có

trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty không được trục lợi từ hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc lợi dụng cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty hoặc sử dụng những thông tin quản trị của Công ty để tư lợi cá nhân hoặc để phục vụ cho lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý có trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản trị khi được hưởng hoặc dự kiến được hưởng những lợi ích mà có thể xung đột với lợi ích Công ty từ các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với bất kỳ pháp nhân hoặc cá nhân nào. Chỉ khi các thành viên Hội đồng Quản trị không liên quan đến các lợi ích đó nhất trí theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp, thì các thành viên Hội đồng Quản trị có liên quan mới được hưởng những lợi ích đó.

3. Công ty không cho vay hoặc bảo lãnh các khoản vay của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, các cán bộ quản lý của Công ty và những người có liên quan với họ, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý hoặc người có liên quan với họ không được phép mua, bán hoặc giao dịch cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty khi họ có những thông tin mà chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó trong khi các cổ đông khác không có những thông tin như vậy.

Điều 35. Trách nhiệm và bồi thường

1. Trách nhiệm: Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất theo quy định của Công ty về những thiệt hại khi:

- a. Hành động không trung thực.
- b. Không miễn cán và cẩn trọng hợp lý để hoàn thành trách nhiệm được giao.

2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, các cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện của Công ty trong trường hợp họ đã, đang và có thể bị khiếu nại, kiện, khởi tố dân sự hoặc hành chính khi thực thi nhiệm vụ của Công ty hay các đơn vị thành viên của Công ty với điều kiện là họ đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán, vì lợi ích của Công ty, tuân thủ luật pháp và xảy ra trong trường hợp bất khả kháng. Chi phí bồi thường sẽ bao gồm: chi phí thuê luật sư, chi phí xét xử, tiền phạt và các khoản chi phí hợp lý phát sinh.

CHƯƠNG XII - QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 36. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ Công ty

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông như quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền, trực tiếp hoặc thông qua luật sư hoặc người theo uỷ quyền, yêu cầu bằng văn bản được kiểm tra danh sách cổ đông, biên bản Đại hội cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Trường hợp cổ đông hoặc nhóm cổ đông đó uỷ quyền cho người khác kiểm tra, thì người theo uỷ quyền phải xuất trình giấy uỷ quyền khi đi kiểm tra.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản

lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty để thực thi nhiệm vụ của mình nhưng phải bảo mật các thông tin này.

3. Công ty phải lưu Điều lệ Công ty và các bản sửa đổi bổ sung, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản Đại hội cổ đông và họp Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và các loại tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu đó.

4. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XIII - TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN, TỔ CHỨC XÃ HỘI KHÁC VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 37. Tổ chức đảng, Công đoàn và các tổ chức xã hội khác

1. Các tổ chức Đảng CSVN, Công đoàn, Đoàn thanh niên và các tổ chức đoàn thể khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của Nước CHXHCNVN và Điều lệ của tổ chức đó. Công ty tôn trọng và đảm bảo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ và Điều lệ của mình.

2. Công ty bảo đảm các quyền lợi về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo các quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIV - TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 38. Tài khoản Ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại một hoặc một số ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

2. Nếu được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật nếu xét thấy cần thiết.

Điều 39. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày ba mươi một tháng mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 40. Hệ thống Kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong hạch toán kế toán.

4. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Giám đốc phải hoàn thành các báo cáo tài chính và trình Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát xem xét.

5. Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo tài chính của Công ty, bao gồm:

a. Các báo cáo tài chính: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền và thuyết minh báo cáo tài chính.

b. Báo cáo của Ban kiểm soát.

c. Báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán về các báo cáo tài chính của Công ty; và

d. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý lỗ hoạt động kinh doanh, trích lập các quỹ, mức trả cổ tức.

CHƯƠNG XV - PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 41. Phân phối lợi nhuận

1. Cổ tức sẽ được công bố và chi trả căn cứ vào lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty hàng năm theo mức do Hội đồng Quản trị đề xuất phụ thuộc vào tình hình thực tế của Công ty và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trừ các loại cổ phần có kèm theo quyền hoặc các loại cổ phần có các điều kiện phát hành quy định khác, cổ tức sẽ được chi trả theo tổng giá trị tính theo mệnh giá cổ phiếu mà cổ đông đang nắm giữ trong thời gian chi trả cổ tức.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Cổ tức có thể được chi trả toàn bộ hoặc từng phần bằng tài sản khác như cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty khác. Việc chi trả cổ tức bằng tài sản phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.

5. Cổ tức phải được chi trả bằng Đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Công ty có thể chi trả cổ tức bằng cổ phần của chính Công ty nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải lập phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Sau khi chi trả, những loại cổ phần phát hành để chi trả cổ tức sẽ có tất cả những quyền lợi và trách nhiệm như những cổ phần cùng loại hiện đang lưu hành của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị quyết định ngày khoá sổ cổ đông để chi trả cổ tức và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc thông báo trực tiếp cho các cổ đông biết. Chỉ những cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày khoá sổ mới có quyền nhận cổ tức. Ngày khoá sổ cổ đông có thể là cùng ngày hoặc trước ngày thực

hiện chi trả cổ tức. Việc khoá sổ cổ đông phải đảm bảo không ảnh hưởng tới quyền lợi của cổ đông khi chuyển nhượng cổ phiếu.

CHƯƠNG XVI - CON DẤU

Điều 42. Con dấu

1. Hội đồng Quản trị sẽ thông qua và khắc con dấu chính thức của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Tất cả các văn bản của Công ty khi công bố chính thức phải được Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Giám đốc ký và đóng dấu Công ty. Chữ ký của các chức danh khác trong Công ty chỉ được sử dụng con dấu theo đúng Quy định về việc sử dụng con dấu trong Công ty do Hội đồng Quản trị ban hành.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Giám đốc chịu trách nhiệm sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVII - CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 43. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định giải thể Công ty phải được thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền biết hoặc chấp thuận phù hợp với qui định của pháp luật hiện hành.

Điều 44. Thanh lý công ty

1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban Thanh lý gồm ba (03) thành viên, gồm: Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ đơn vị kiểm toán. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý Công ty sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan có thẩm quyền về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban Thanh lý. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính có thẩm quyền.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Chi phí thanh lý.
 - b. Các khoản nợ Tiền lương, trợ cấp thôi việc, chi phí bảo hiểm và các quyền lợi khác cho của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng đã ký kết.

- c. Thuê và các khoản phải trả cho Nhà nước.
- d. Các khoản vay (nếu có).
- e. Các khoản nợ khác của Công ty.
- f. Phần còn lại sẽ được phân chia cho các cổ đông. Trong đó các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVIII - GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 45. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi xảy ra tranh chấp hay khiếu nại về hoạt động của Công ty hoặc quyền của các cổ đông phát sinh từ các quy định của Điều lệ hoặc các quy định của Luật Doanh nghiệp và các luật khác giữa: Một (01) cổ đông hoặc nhiều cổ đông với Công ty; hoặc Một (01) cổ đông hoặc nhiều cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người quản lý khác của Công ty, thì các bên liên quan sẽ trước hết giải quyết tranh chấp bằng thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ là người chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu các bên giải trình các vấn đề tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thì các bên có thể chỉ định bên thứ ba bất kỳ làm trung gian hoà giải để giải quyết tranh chấp.

2. Nếu vấn đề tranh chấp không hoà giải được trong vòng sáu (06) tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, thì một trong các bên có thể đưa tranh chấp ra Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam hoặc Toà án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ là đại diện trước pháp luật của Công ty trong quá trình tố tụng.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí phát sinh trong quá trình thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp được đưa ra Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam hoặc Toà xét xử thì các chi phí một bên phải chịu sẽ theo phán quyết của Toà án hoặc Trọng tài.

CHƯƠNG XIX - SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 46. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
2. Trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc những quy định của pháp luật mới ban hành khác với những quy định trong điều lệ này, thì những quy định của pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XX - NGÀY HIỆU LỰC

Điều 47. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này bao gồm hai mươi (20) Chương và bốn mươi bảy (47) Điều, đã được bổ sung, sửa đổi lần thứ tư theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Hải Phòng được tổ chức ngày 30 tháng

09 năm 2024 tại Thành phố Hải Phòng, có hiệu lực kể từ ngày Chủ tịch HĐQT ký Quyết định Ban hành Điều lệ sửa đổi mới của Công ty.

2. Điều lệ được lập thành năm (05) bản gốc, có nội dung và giá trị pháp lý như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT *Phạm Đình Hiệp*



Phạm Đình Hiệp

